Bài tập 1: Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh

1. have/ I/ eraser/ an
2. bag/ my/ This/ is
3. can/ see/ I/ cat/ a
4. jumping/ is/ She
5. candies/ How/ you/ many/ can/ see?

Bài tập 2: Điền những từ sau vào ô trống thích hợp

food	apple	dog	book	teacher

1. What is your favorite _____?
2. I have a new _____.
3. My _____ is very kind.
4. Do you have a _____?
5. This is my _____.

Bài tập 3: Điền động từ "to be" thích hợp vào chỗ trống

1. I ___ a student.
2. She ___ my friend.
3. They ___ playing in the park.
4. He ___ reading a book.
5. We ___ happy today.
6. The cat ___ on the chair.
7. You ___ very kind.
8. It ___ raining outside.
9. My parents ___ at home.
10. The books ___ on the table.

Bài tập 4: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu

1. I _____ to school every day.
   A. go
   B. goes
   C. going

2. I _____ a new book.
   A. has
   B. have
   C. having

LIVEWORKSHEETS

3. They are _____ soccer.
   A. plays
   B. play
   C. playing

4. He _____ see the stars at night.
   A. can
   B. is
   C. are

5. This is _____ apple.
   A. a
   B. an
   C. the

6. She _____ a book right now.

   A. read
   B. reads
   C. is reading

7. There _____ a cat under the table.

   A. is
   B. are
   C. am

8. Can you _____ a song?

   A. sing
   B. sings
   C. singing

9. The book is _____ the shelf.

   A. in
   B. on
   C. at

10. Is there _____ pen on the table?

    A. a
    B. an
    C. the

Bài tập 5: Nối một câu ở cột A với một câu ở cột B để tạo thành một đoạn hội thoại hoàn chỉnh

LIVEWORKSHEETS

A	B
1. What is she doing?	A. It is on the table.
2. Where is the book?	B. Yes, I can.
3. How old is your brother	C. She is drawing a picture.
4. Can you swim?	D. He is 2 years old
5. What do you want?	E. I want some pears.

LIVEWORKSHEETS